

*Customs and Traditions*  
*Ăn Tết, Ăn Cưới, Ăn Giỗ*<sup>1</sup>



Hoa Mai vàng Cầu đôi đỏ ngày Tết  
Source: [www.vnstyle.vdc.com.vn](http://www.vnstyle.vdc.com.vn)



Tiệc cưới Việt Nam  
Source: <http://chinadan.com>



Đám Tang vua Khải Định  
Source: <http://nguyentl.free.fr/html>

By

**Kimloan Hill**

**University of California – San Diego**

---

<sup>1</sup> The author reserves the copy right to any material in this chapter. Any reproduction in this chapter must have the author's consent.

## A—Objectives

By the end of this chapter, you will:

- Have an understanding to customs and practices related to Tết or Lunar New Year, wedding, funeral, and annual commemorations of someone's death.
- Learn to say congratulations at wedding, condolences at funeral, and wishes for Tết.
- How to make sentence with *sắp*, *tại sao...lại*, *chỉ...còn*.

## B—Scenarios

### Dialogue 1:



Bánh Chung  
Source: [www.footprintsvietnam.com](http://www.footprintsvietnam.com)



Táo Quân  
Source: <http://www.thanhdoan.hochiminhcity.gov.vn>

Trang: Bây giờ là tháng chạp rồi. Cháu mong Tết đến để được ăn bánh chung bà nội gói và được tiền lì-xì của chú.

Chú Hạnh: Cháu *sắp* có chồng rồi mà vẫn còn đòi tiền lì-xì.

Trang: Khi nào cháu có chồng rồi cháu *sẽ* không đòi tiền lì-xì nữa.

Chú Hạnh: Vậy thì cháu phải giúp bà nội gói bánh chung và giúp ba mẹ dọn dẹp nhà cửa để cúng ông Táo và đón xuân rồi mới được lì-xì.

Trang: Vâng, cháu sẽ giúp bà nội và ba mẹ.



Hoa Mai  
[www.thanhdoan.hochiminhcity.gov.vn](http://www.thanhdoan.hochiminhcity.gov.vn)



Hoa Đào  
[www.easia-adventures.com](http://www.easia-adventures.com)



Mứt  
[www.dddn.com.vn](http://www.dddn.com.vn)

### **Dialogue 2:**

Mẹ Trang: Hôm nay mẹ đi chợ hoa để cúng tổ tiên và để chưng trong nhà trong mấy ngày Tết. Con đi chợ với mẹ để mang hoa về.

Trang: Năm nay mẹ định mua hoa Đào hay hoa Mai để chưng trong nhà?

Mẹ Trang: Mẹ định mua hoa Mai. Năm nay hoa Đào hiếm nên đắt lắm.

Trang: Mẹ có mua mứt như mọi năm không?

Mẹ Trang: ***Không có*** mứt ***thì không phải*** là Tết.

Trang: Mẹ nhớ mua một ít pháo để đốt đón giao thừa nghe mẹ.

### **Dialogue 3:**

Tuấn: Tuấn sắp đi hỏi vợ. Khi làm đám cưới thì Trung làm phù rể nghe.

Trung: Trung rất sẵn sàng. Tuấn định khi nào làm đám hỏi?

Tuấn: Thứ năm tuần sau; sau đó ba tháng thì làm đám cưới, ngày Chủ-nhật 25 tháng 8.

Trung: Mùa cưới là vào mấy tháng cuối năm. ***Tại sao*** Tuấn ***lại*** làm đám cưới vào tháng tám?

Tuấn: Tục lệ đó xưa rồi, ***chỉ*** những người ở nông thôn ***còn*** giữ thôi vì mấy tháng đó nông dân rảnh rỗi. Hơn nữa, Má mình đi coi ngày thì Thầy nói ngày đó là ngày tốt nhất trong năm.

Trung: Được rồi, khi nào nhận được thiệp mời mình sẽ ghi lịch để đi đám cưới của cậu ngày đó.



Rước dâu  
<http://www.rfa.org/vietnamese/>



Đám cưới tảo thê  
<http://www.rfa.org/vietnamese/>

#### **Dialogue 4:**

Tuấn: Vợ chồng cháu xin chào các bác, các cô và các chú.

Chú Thành: Chú xin thay mặt mọi người tại bàn này chúc vợ chồng cháu trăm năm hạnh phúc, yêu thương nhau mãi mãi và sanh con trai đầu lòng.

Tuấn: Chúng cháu xin thành thật cảm ơn chú.

Chú Thành: Xin mọi người nâng ly để mừng cô dâu và chú rể.

#### **Dialogue 5:**

Mẹ Trang: Thứ bảy này mẹ làm giỗ cho ông nội và làm lễ mãn tang luôn. Mẹ đã mời một vài người thân trong họ hàng và kêu các chú các cô về giúp mẹ làm giỗ và ăn giỗ với gia đình.

Trang: Mình để tang ông nội được ba năm rồi à. Mau quá.

Mẹ Trang: Ừ. Tuy mình không phải để tang nữa. Mình vẫn làm giỗ mỗi năm để tưởng nhớ ông nội.

Trang: Thế Mẹ định nấu những món gì?

Mẹ Trang: Mẹ định nấu xôi gấc, miến gà, gà chiên, rau xào, chè và một ít hoa quả để cúng ông nội và đãi khách.

Trang: Con sẽ xuống bếp giúp mẹ nấu ăn và giúp các cô trang hoàng nhà cửa.

Mẹ Trang: Ngày đó chắc mẹ sẽ cần sự giúp đỡ của con vì nhà sẽ rất đông khách.



Trang phục cũ khi lễ tang

<http://www.binhthuan.gov.vn>

## C—Vocabularies

Ăn Tết:	to celebrate Tết
Ăn cưới:	to celebrate a wedding
Ăn giỗ:	to commemorate the anniversary of someone's death
Tháng chạp:	another way of saying December in the Lunar calendar.
Bánh chưng:	square-shaped rice cake, a specialty of Tết.
Tiền lì-xì:	money given to children by adults during the occasion of Tết. It is also called: <i>tiền mừng tuổi</i> by northern Vietnamese.
Cúng:	to make an offering to the spirits
Ông Táo:	the Kitchen God
Đón xuân:	to welcome Spring/New Year
Tổ tiên:	ancestors
Chung:	to display
Hiếm:	scarce, rare
Mứt:	candied fruits
Pháo:	firecrackers
Đốt pháo:	to set off firecrackers
Giao Thừa:	the point in time when the old year becomes the New Year
Đi hỏi vợ:	to ask for a girl's hand
Cưới vợ:	to get married (for males only)
Lấy chồng:	to get married (for females only)
Làm đám hỏi:	to organize an engagement
Làm đám cưới:	to organize a wedding
Đi đám cưới:	to go to a wedding
Cô dâu, chú rể:	bride and groom
Làm phù rể:	to act as a best man for someone
Làm phù dâu:	to serve as a bridesmaid for someone
Sẵn sàng:	willing
Tục lệ:	custom, tradition
Mùa cưới:	wedding season

Xưa:	old-fashioned, out of date, ancient
Nông thôn:	agrarian area
Coi ngày:	to choose a date (on the lunar calendar) for some important event
Thầy:	usually a Buddhist monk
Thiệp mời:	invitation card
Ghi lịch:	to make a note on the calendar
Chúc:	to wish (something for someone)
Mừng:	to congratulate
Thay mặt:	to represent
Trăm năm:	hundreds of years
Hạnh phúc:	happiness, to be happy
Yêu thương nhau:	to love one another
Mãi mãi:	forever
Sanh:	to give birth to
Con trai đầu lòng:	the first born to be a male
Thành thật:	sincerely
Nâng ly:	to raise a glass
Thành hôn:	to get married
Có vợ:	to be married (for male)
Có chồng:	to be married (for female)
Có gia đình:	to be married (for both male and female)
Mãi mãi:	forever
Làm giỗ:	to organize an annual commemoration of someone's death
Mãn tang:	the expiration of a mourning period.
Đề tang:	to be in mourning
Tang phục:	mourning attire
Tang quyến:	bereaved family
Vẫn:	still, will continue to
Đãi khách:	to entertain guests
Khách:	guests
Trang hoàng:	to decorate
Chắc:	Certainly

### ***Idioms:***

Quét nhà ngày Tết, đổ hết gia tài:	Sweeping your house during Tết will impoverish you
Lấy vợ xem tông lấy chồng xem giống:	choose your spouse
Một lạy sống bằng đồng lạy chết:	Filial piety shown to your parents when they are alive is much more valuable than shown to them when they are dead.

## D—Classroom Activities

### Activity 1:

In front of the class, tell your classmates how your family prepares to welcome Tết and celebrates Tết. Cite at least three activities for each occasion.

### Activities 2: Just say it in Vietnamese

1. What would you say to your grandparents and parents on the first day of Tết?
2. What would you say to the bride and groom at a wedding?
3. What would you say when someone asks you to do something for him/her and you are willing to do it.
4. What would you say when you ask someone to be your bridesmaid or best man?
5. How would you say: “Please raise your glass and congratulate the bride and the groom”
6. How would you say: “That practice is out of date”?
7. How would you say: “We sincerely thank you”?
8. How would you say: “We are mourning our parents”?
9. How would you say: “We wish you health, prosperity, and happiness for the New Year”?
10. Describe three things Vietnamese people do to commemorate the anniversary of someone’s death.

### Activities 3: Role Play

<u>Student A</u>	<u>Student B</u>
<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Greet B</li><li>▪ Tell him/her that you heard that s/he is about to get married.</li><li>▪ Congratulate her/him</li><li>▪ Ask when the wedding will take place.</li><li>▪ Congratulate B</li><li>▪ Tell him/her that you are willing to be a bridesmaid/best man</li><li>▪ Tell B that you will mark your calendar once you receive the invitation.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Greet A</li><li>▪ Confirm that you are going to get married and that the engagement ceremony will take place soon.</li><li>▪ Give a date for your wedding</li><li>▪ Tell A that you would like to have her/him as your bridesmaid/best man at your wedding.</li><li>▪ Tell A that you will send out wedding invitations after the engagement</li></ul>

#### **Activities 4:** Role Play

Choose a partner who will play the role of your sister or brother. The two of you will make plans to organize a ceremony for the third annual commemoration of the death of a relative. Discuss together a list of guests, a time for the ceremony, dishes for the meal, and decorations for the house....

#### **Activities 5:** Role Play

Choose a partner and share with each other your experiences when attending a wedding and your observations about some customs that were observed at the wedding, such as wedding rituals, attire, guests' participation in the wedding celebration, etc.

### **E—Grammar Notes:**

**a—*Sắp, sẽ*:** are used in front of an action verb to indicate that an action will take place in the future. (See discussion in chapter 11 for *Sẽ*). *Sắp* is placed in front of an action verb to indicate that an action will take place soon.

Example: Thuyên sắp ra trường.  
*Thuyên is going to graduate soon.*

**b—*Không có...thì không phải là* = **without...it isn't ...**:** conditional formula in which B is not B without A

Example 1: Không có mứt thì không phải là Tết.  
*Without candied fruit, it isn't Tết.*

Example 2: Không có tuyết thì không phải là mùa đông.  
*Without snow, it isn't winter.*

**c—*Tại sao...lại*:** a rhetorical way, to ask why someone would do something in contradiction with the norm or a set rule.

Example 1: Trời lạnh như cắt tại sao em lại mặc áo ngắn tay.  
*It is piercing cold - why do you wear a short sleeve shirt?*

Example 2: Ai cũng phải đến làm việc lúc 8 giờ sáng; tại sao anh lại đến lúc 10 giờ?  
*Everybody is required to report to work at 8 am; why do you show up at 10 am?*

**d—*Chỉ...còn* = **only...still**:** is used to indicate that only a small number of people still do something and imply that the majority of people are not doing the same.



Example 1: Ngày nay chỉ học sinh ở thôn quê còn đi xe đạp đi học.  
*Today only students in the country side still ride bicycles to school.*

Example 2: Chỉ ba sinh viên còn học ở thư viện.  
*Only three students still study in the library.*

## F- Culture Notes

1—**Tết Nguyên Đán** or Lunar New Year, which is commonly known as **Tết**. It also has another name: **Xuân** or Spring. About a month before Tết, people make preparations to welcome the New Year: making *bánh chưng* or rice cake and *mứt* or candied fruits; pickling vegetables; cleaning house; and buying stems of *Mai* (Apricot) or *Đào* (Cherry) with the hope that they will blossom on New Year's Day. One week before Tết, many family make offerings to *Ông Táo* or Kitchen God, who returns to Heaven and reports the family's affairs to *Thượng Hoàng* or Jade Emperor. In making offerings to *Ông Táo*, people hope that he will write a good report about their families; thus, they would receive blessings from *Thượng Hoàng*. People usually choose one person to be the first to enter their house in the New Year because this person would bring them good luck or bad luck for the whole year. This custom is called *xông đất* or *đạp đất*. Many people go to the temple at midnight to *hái lộc* or pick new buds from a tree for good luck. Many people *đốt pháo* or set off firecrackers to welcome *giao thừa* or the moment when old year ends and New Year arrives. Other Tết traditions include: not to sweep the house during the first three days of Tết; playing cards; uniting with family; and giving money to children. Other Tết holidays during the lunar year include *Tết Đoan Ngọ* or the day to kills intestinal bugs (May 5), *Tết Trung Nguyên* or the day to remember the dead (July 15), and *Tết Trung Thu* or mid-fall festival (August 15).

Some popular wishes on Tết:

- To grand parents: *Chúc ông bà được sống lâu trăm tuổi* (We/I wish that you will live to be 100 years old)
- To parents, teachers: *Chúc ba mẹ/thầy/cô được dồi dào sức khỏe trong năm mới* (We/I wish you good health in the New Year)
- To a professional colleague, young professional, etc.: *Chúc anh/chị/cô/chú... được thăng quan tiến chức trong năm mới* (We/I wish you professional advancement/promotion in the New Year)
- To students: *Chúc em/anh/chị... học hành tiến tới, thi cử thành công trong năm mới* (We/I wish you progress in your studies and success in your examinations in the New Year)

2—**Đám cưới** or wedding: traditionally a marriage has to undergo five steps, all of which are initiated by the groom's family, before it can be finalized. *Coi mắt* or to get a view of your prospective spouses – through a matchmaker a man visits the family of his prospective bride to get a view of her beauty, charm, and talent; the girl, on the other

hand, also gets a glimpse of her prospective husband from behind the curtains, by bringing tea to the table and by serving lunch or dinner. *Chạm ngõ* is when the parents of the couple meet so they can get acquainted with each other and discuss the prospective marriage of their children. *Đặt trầu* is a ceremony when the man brings gifts, which usually include *trầu cau* or betel leaves and areca nuts, teas, and sweets to his prospective bride's family as a proof of his intention to marry her. If the girl decides that she no longer wants to marry the man, her family will return the gifts - the exact amount of things that the man brought to her family. If she does not change her mind, and if the two families agree on "the price" asked for, *thách cưới*, by the bride's family, the next step will be *đám hỏi* or an engagement ceremony. The groom's family brings *trầu cau* and the price to the bride's family and the two families choose a date for the wedding. The bride's family distributes the price to family members and friends as a way of announcing that their daughter is to be married. *Đám cưới* is the wedding day, which includes the following steps: *đón dâu*, *làm lễ tơ hồng*, *lễ gia tiên*, and *lễ ra mắt* before the wedding party takes place in the groom's family home. Gifts to the newly weds are usually given in the form of money. Today, the bride and the groom have usually met and decided to get married before they inform their parents, and most of the time they pay for their own weddings; therefore, most marriages hold only *đám hỏi* and *đám cưới*. In Vietnam *mùa cưới* or the wedding season usually has been toward the end of the lunar year. This practice originated from the agricultural cycle: the end of the lunar year marked the time when farmers rested before beginning planting in the Spring.

Some popular wishes and congratulations to the newly weds are: *Chúc cô dâu chú rể/ anh chị/các cháu/ các em...*

- *Trăm năm hạnh phúc* (to be happy together for 100 years)
- *Yêu nhau mãi mãi* (to love each other forever)
- *Yêu nhau đến khi đả bạc răng long* (to love each other until hair turns gray and teeth fall out)
- *Xin chia vui với anh/chị/ông/bà....* (Please accept our congratulations...)

**3—Đám tang, đám giỗ = funeral, annual commemoration of death:** when someone dies the family of the deceased usually takes the following steps to organize a funeral: *khâm liệm* or to wrap the body of the deceased in fresh white linen; after having washed and cleaned his/her body; *nhập quan* or to put the body in a coffin; *phát tang* or to inaugurate the mourning period. In this ritual, each family member will receive his/her mourning attire, which differs according to his/her relationship with the deceased; *đưa đám/đưa ma* or funeral procession; and *hạ huyệt* or to lower the coffin into the grave. During the funeral, relatives and friends come and convey their condolences and give money or *phúng* to help the family with the funeral expenses. In some cases, where before the deceased died, his/her daughter or son had been engaged to be married, the two families arrange for their wedding to be held before the funeral ceremony to avoid having to delay it for three years while the son or the daughter is in mourning period. Such a wedding is known as *đám cưới chạy tang*.<sup>2</sup>

<sup>2</sup> Nguyễn Du, *Phong Tục Về Ma Tang*. <http://chimviet.free.fr/quehuong/nguyendu/nddg056.htm>

The family commemorates, or *làm giỗ*, the death of their loved ones, especially of their parents, every year. This custom is rooted in the practice of worshiping ancestors' spirits, or *thờ cúng tổ tiên* and the belief in filial piety or *hiếu thảo* toward one's parents and grandparents. They believe that the dead are never really extinguished and continue to exist in spirit and therefore one must show one's piety toward them even though they are dead. Some people view this belief as a religion or *đạo*, thus the term *đạo ông bà*. It is the most popular spiritual belief in Vietnam. Vietnamese people do not celebrate birth days but death days. It is a day when family members gather to eat, to honor the deceased by making offerings on their altars and talking about their memories of the deceased

Some popular condolences to the family of the deceased:

- *Xin thành thật chia buồn với anh/chị/ông/bà...* (Our/My sincere condolences)
- *Xin thành kính phân ưu với ông/bà...* (Our sincere condolences. Note: this phrase is used only if the family members are elderly people)
- *Xin cho linh hồn của ....được chóng về Niết bàn or Thiên Đàng* (We/I pray that the soul of ...will arrive in Nirvana [for Buddhist] or the Heaven [for Catholics/Christians])

## G—Writing Exercises:

Use a dictionary to aid you in your writing assignments when necessary.

### Exercise 1:

Complete each sentence below with information that you have learned in this chapter.

1. Để trang hoàng nhà vào dịp Tết, người Việt mua\_\_\_\_\_.
2. Thờ cúng ông bà là cách tỏ lòng \_\_\_\_\_đối với ông bà và cha mẹ.
3. \_\_\_\_\_là những món ăn phải có trong ngày Tết.
4. Trước khi đặt xác người quá cố vào quan tài, người ta phải \_\_\_\_\_.
5. Khi đi đám tang, người Việt đem theo tiền để \_\_\_\_\_.
6. Khi đi đám cưới, người ta hay chúc cô dâu chú rể\_\_\_\_\_.
7. Một tuần trước Tết người ta cúng \_\_\_\_\_.
8. Chỉ trẻ em mới được \_\_\_\_\_trong dịp Tết.
9. Tục chọn một người vào nhà ngày đầu tiên trong năm là tục\_\_\_\_\_.

10. Những món ăn người Việt hay nấu trong ngày giỗ là: miến gà, xôi gấc, gà chiên và chè.
11. Ngày nay khi hai người thành hôn, họ chỉ làm\_\_\_\_\_.
12. Người Việt không ăn mừng sinh nhật mà chỉ \_\_\_\_\_ người chết.
13. Để trang hoàng nhà trong ngày Tết, người Việt hay mua hoa\_\_\_\_\_.
14. Mùa cưới tại Việt Nam là vào\_\_\_\_\_.
15. Năm mới còn được gọi là \_\_\_\_\_.

**Exercise 2:** Answer each of the following questions in a complete sentence:

1. Khi đi đám cưới người Việt hay dùng gì để làm quà cho cô dâu chú rể?
2. Để chia buồn với tang quyến người ta sẽ nói gì?
3. Tại sao người ta làm đám cưới chạy tang?
4. Vào ngày Tết, nhà của anh/chị nấu những món ăn gì?
5. Anh/chị có đi chùa để hái lộc không?
6. Anh/chị chúc Tết ba mẹ như thế nào? Chúc bạn bè như thế nào?
7. Khi đi đám ma anh/chị sẽ nói gì để chia buồn với tang quyến?
8. Khi đi đám cưới một người bạn anh/chị sẽ nói gì?
9. Gia đình anh/chị ăn Tết như thế nào?
10. Người Việt hay làm đám cưới vào những tháng nào?
11. Vào ngày Tết trong nhà của người Việt phải có những gì?
12. Tại sao người Việt lại cúng Ông Táo?
13. Người ta thường làm gì để đón giao thừa?
14. Năm nay là năm con gì?
15. Tuổi của anh/chị là tuổi con gì?

**Exercise 3:** Learning while surfing the Internet.

Surf the Internet and find out as much as you can about *Tết Đoan Ngọ* and answer the following questions: Have you ever heard of it? When does it take place in the year? What do people do on that day? What is the goal for that day?

**Exercise 4:** Learning while having fun

Choose two partners and the three of you collaborate to research the history of *Tết Trung Thu*, when and how it is celebrated each year, and the legend that goes with this special occasion. Then, write a skit and act it out in front of the class.

**Exercise 5:**

Complete the following sentences using *tại sao....lại, chỉ....còn, vậy thì, ngoài...ra, rồi...luôn, kéo, or không...thì không phải là*.

1. Hôm nay trời nóng, em mặc áo lạnh.
2. Cam, táo, chuối, tôi cũng thích ăn nhỏ.
3. Tôi học xong, tôi đi làm.
4. Anh gọi điện thoại cho mẹ, muộn.
5. Cô Nga không thích đi xem phim, anh đưa cô ấy đi nghe nhạc.
6. Hai người, thích đi bơi..
7. Nước mắm, món ăn Việt-Nam
8. Trời đang mưa, con đi bộ.
9. Mẹ đang mệt, chúng ta để mẹ nghỉ.
10. Chơi bóng rổ, anh ấy cũng chơi bóng bàn.
11. Trầu cau, đám cưới Việt Nam
12. Tối nay, Minh chờ cô ấy.